

Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Trần Thị Toàn*, Đường Thị Hương*

*ThS. Trường ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng

Received: 7/02/2024; Accepted: 17/02/2024; Published: 22/02/2024

Abstract: By appropriate scientific research methods, we have assessed the current status of physical education work of Duy Tan University. From there, select and apply test a number of solutions to improve the quality of physical education and physical development for students of Duy Tan University.

Keywords: Physical education; solution; physical; pupil; Duy Tan University.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, chất lượng giáo dục thể chất (GDTC) của Trường Đại học Duy Tân chưa đáp ứng được mục tiêu GDTC. Để khắc phục hiện trạng đó, cần có sự nhìn nhận, đánh giá một cách toàn diện, khách quan những khó khăn, đồng thời nghiên cứu đề xuất các biện pháp thích hợp, khả thi nhằm từng bước nâng cao chất lượng GDTC. Đây là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách cần phải thực hiện. Nhưng thực hiện như thế nào, bắt đầu từ đâu? luôn là những câu hỏi gây ra sự lúng túng, khó khăn cho các nhà quản lý và giảng viên GDTC của các trường đại học nói chung, Trường Đại học Duy Tân nói riêng. Do đó, việc nghiên cứu những giải pháp nâng cao chất lượng GDTC đối với sinh viên (SV) sẽ là một trong những phương án hữu hiệu giúp cho Trường Đại học Duy Tân đạt được mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với thực tiễn nhu cầu của nhà trường và nhu cầu xã hội, đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp (PP) nghiên cứu: Đề tài sử dụng các PP nghiên cứu sau: PP tổng hợp và phân tích tài liệu; PP phỏng vấn toạ đàm; PP quan sát sư phạm; PP kiểm tra sư phạm; PP thực nghiệm sư phạm; PP toán học thống kê.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng về công tác GDTC của Trường Đại học Duy Tân

a. Về việc sử dụng các PP dạy học GDTC ở Trường Đại học Duy Tân

PPDH TDTT là cách thức sử dụng các phương tiện GDTC nhằm giải quyết các nhiệm vụ GDTC nói

chung và giảng dạy TDTT nói riêng.

Bảng 2.1 cho thấy: Trong 09 PPDH thì PP giảng giải, phân tích, thuyết trình; PP thị phạm trực quan trực tiếp; PP tập luyện phân chia và hoàn chỉnh được sử dụng nhiều. Có thể thấy rằng, PP dạy học cũng như hình thức tổ chức giờ học trong trường hiện nay còn mang nhiều tính ghi nhớ thụ động, rập khuôn cứng nhắc, mang tính truyền thống và chưa kích thích được sự chú ý người học.

Bảng 2.1. Thực trạng về việc sử dụng PP dạy học GDTC ở Trường ĐH Duy Tân (n=277)

TT	Nội dung	Mức độ sử dụng							
		Rất nhiều		Nhiều		Ít		Rất ít	
		GV	SV	GV	SV	GV	SV	GV	SV
1	PP giảng giải, phân tích, thuyết trình	16	153	13	86	3	6	0	0
2	PP trực quan trực tiếp	12	164	15	74	5	6	0	1
3	PP trực quan gián tiếp	8	30	7	53	12	101	5	61
4	PP tập luyện phân đoạn	12	80	11	76	6	71	2	18
5	PP tập luyện hoàn chỉnh	14	62	11	90	3	86	0	7
6	PP tập luyện vòng tròn	5	17	7	39	16	75	4	
7	PP tập luyện gián cách	10	24	13	84	6	80	3	57
8	PP trò chơi	6	35	8	60	15	87	3	63
9	PP thi đấu	8	44	12	79	8	91	4	31

b. Về đội ngũ cán bộ, giảng viên GDTC

Qua kết quả ở bảng 2.2 cho thấy có 100% cán bộ GV chuyên ngành TDTT ở trình độ cử nhân trở lên trong đó có 9 thạc sĩ (chiếm 28.12%) và 23 GV cử nhân (chiếm 71.88%). GV GDTC có sự chênh lệch lớn trình độ, số lượng giữa GV cơ hữu và thỉnh giảng, GV trẻ có thâm niên công tác ít còn chiếm đa số vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đối với một môi

trường giáo dục ĐH cũng như yêu cầu của xã hội.

Bảng 2.2. Thực trạng về đội ngũ GV GDTC tại Trường ĐH Duy Tân

ND	Chi số		Giới tính			Trình độ			Thâm niên (năm)			SL GV (32)	
	Nam	Nữ	TS	ThS	CN	<10	10- 20	>20	Cơ hữu	Thỉnh giảng			
Số lượng	31	1	0	9	23	24	7	1	10	22			
Tỷ lệ %	96.88	3.12	0	28.12	71.88	75	21.88	3.12	31.25	68.75			

c. Về cơ sở vật chất phục vụ môn GDTC ở Trường Đại học Duy Tân

Qua điều tra thực trạng CSVC phục vụ cho môn GDTC cho thấy sân bãi, dụng cụ tập luyện của nhà trường được trang bị đầy đủ theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT về số lượng. Đối với các môn học chịu sự ảnh hưởng lớn của tự nhiên đòi hỏi phải có nhà tập như cầu lông, bóng rổ thì phần lớn đáp ứng được nhu cầu của SV. Tuy nhiên, với số lượng SV rất đông như hiện nay thì CSVC chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập của SV và các hoạt động TDTT trong nhà trường. Về chất lượng của CSVC TDTT hiện nay vẫn cần được đổi mới, nâng cấp.

2.2.2. Nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động GDTC của nhà trường

Nguyên nhân ảnh hưởng đến GDTC của nhà trường được thể hiện tại bảng 2.3

Bảng 2.3. Kết quả phỏng vấn những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giờ học GDTC tại Trường ĐH Duy Tân (n=47)

TT	Nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giờ học GDTC	Mức độ ảnh hưởng					
		Lớn		Trung bình		Nhỏ	
		N	%	n	%	n	%
1	Nội dung chương trình môn học.	35	74.5	12	25.5	0	0
2	Cơ sở vật chất.	35	74.5	10	21.3	2	4.2
3	PP dạy học	37	78.7	10	21.3	0	0
4	Trình độ GV.	22	46.8	19	40.4	6	12.8
5	Nhận thức của SV đối với môn học GDTC	38	80.9	9	19.1	0	0
6	Công tác kiểm tra, đánh giá	27	57.4	14	29.8	6	12.8
7	Hoạt động ngoại khóa và thi đấu.	19	40.4	15	31.9	13	27.7
8	Sự quan tâm của BGH với công tác GDTC	33	70.2	11	23.4	3	6.4
9	Kế hoạch đào tạo của nhà trường	20	42.6	18	38.3	9	19.1
10	Sĩ số lớp quá đông.	15	31.9	20	42.6	12	25.5

Bảng 2.3 có thấy mức độ quan trọng của các nguyên nhân được thể hiện qua những ý kiến của các thầy, cô bao gồm các nguyên nhân sau: Nhận thức của SV đối với môn học GDTC (80.9%); PPDH

(78.7%); Nội dung chương trình môn học (74.5%); CSVC (74.5%); Sự quan tâm của BGH đối với công tác GDTC (70.2%).

2.3. Nghiên cứu lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động GDTC, phát triển thể lực cho SV Trường Đại học Duy Tân

2.3.1. Một số nguyên tắc khi lựa chọn giải pháp: Nguyên tắc 1: Đảm bảo mục tiêu đào

tao; Nguyên tắc 2: Đảm bảo tính khoa học; Nguyên tắc 3: Đảm bảo tính cần thiết và khả thi ; Nguyên tắc 4: Đảm bảo tính sư phạm

2.3.2. Lựa chọn một số giải pháp

Bảng 2.4. Kết quả phỏng vấn lựa chọn giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDTC cho SV Trường ĐH Duy Tân, tp Đà Nẵng (n=47)

TT	Các giải pháp	Kết quả phỏng vấn			
		Lần 1	Tỷ lệ %	Lần 2	Tỷ lệ %
1	Nâng cao hiệu quả giáo dục mục đích, ý nghĩa, tác dụng của môn học cho SV	40	85.11	42	89.36
2	GV phải cổ vũ, khích lệ, động viên SV học tập	34	72.34	35	74.47
3	Tăng cường và sử dụng hiệu quả về sân bãi và dụng cụ phục vụ học tập	45	95.74	44	93.62
4	Tăng cường công tác lãnh đạo, sự quan tâm của Ban giám hiệu và các đơn vị liên qua trong nhà trường với hoạt động GDTC	37	78.72	36	76.60
5	Phát triển các câu lạc bộ TDTT cho SV, tổ chức nhiều hoạt động thi đấu TDTT trong và ngoài nhà trường	41	87.23	41	87.23
6	Xem môn GDTC như những môn học khác ở trong nhà trường	31	65.96	32	68.09
7	Không ngừng cải tiến nội dung chương trình môn học và nâng cao năng lực giảng dạy của GV	39	82.98	38	80.85
8	Sử dụng hiệu quả các PP giảng dạy phù hợp và linh hoạt, tạo hứng thú cho người học	46	97.87	47	100
9	Tăng cường kiểm tra đánh giá chất lượng GDTC	38	80.85	36	76.60

Từ kết quả bảng 2.4, kết hợp với những cơ sở thực tiễn của nhà trường chúng tôi đã lựa chọn 4 giải pháp có số phiếu tán thành cao nhất (từ 85% trở lên) gồm:

- Nâng cao hiệu quả giáo dục mục đích, ý nghĩa, tác dụng của môn học cho SV

- Tăng cường và sử dụng hiệu quả sân bãi và dụng cụ phục vụ học tập.

- Phát triển các câu lạc bộ TDTT cho SV, tổ chức nhiều hoạt động thi đấu TDTT trong và ngoài nhà trường.

- Sử dụng hiệu quả các PP giảng dạy phù hợp và linh hoạt, tạo hứng thú cho người học. Trong đó, GV

phải tạo không khí thi đua trong lớp học, đưa ra các chỉ tiêu phấn đấu cho từng nội dung và toàn lớp.

2.3.3. Đánh giá hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC, phát triển thể lực cho SV Trường Đại học Duy Tân

- Kết quả kiểm tra thể lực của 2 nhóm trước thực nghiệm:

Bảng 2.5. Kết quả kiểm tra thể lực của 2 nhóm trước thực nghiệm (n = 245)

TT	Test	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng	t	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
<i>I Nam</i>		(n = 76)	(n = 75)		
1	Bật xa tại chỗ (cm)	210.20±15.98	206.00± 17.60	1.533	>0.05
2	Chạy 30m XPC (s)	5.61 ± 0.47	5.57 ± 0.62	0.446	>0.05
3	Chạy con thoi 4x10m(s)	12.58 ± 0.92	12.54 ± 0.81	0.284	>0.05
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	935 ± 80.10	933 ± 68.40	0.165	>0.05
<i>II Nữ</i>		(n = 46)	(n = 48)		
1	Bật xa tại chỗ (cm)	142.67± 15.73	145.3 ± 12.03	0.907	>0.05
2	Chạy 30m (s)	6.57 ± 0.51	6.50 ± 0.65	0.582	>0.05
3	Chạy con thoi 4x10m(s)	12.99± 0.89	13.00± 0.85	0.056	>0.05
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	886 ± 15.62	892 ± 13.76	0.649	>0.05

Kết quả ở bảng 2.5, cho thấy việc kiểm tra trình độ thể lực ban đầu theo tiêu chuẩn RLTT của 2 nhóm có $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}}$ nên sự khác biệt về trình độ thể lực là không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P > 0,05$. Trình độ thể lực của các đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn trước thực nghiệm là tương đương nhau.

- Sau một thời gian ứng dụng các giải pháp đề tài đã lựa chọn, kết quả kiểm tra thể lực của cả 2 nhóm được thể hiện tại bảng 2.6.

Bảng 2.6. Kết quả kiểm tra thể lực của 2 nhóm sau thực nghiệm (n = 245)

TT	Test	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng	t	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
<i>I Nam</i>		(n = 76)	(n = 75)		
1	Bật xa tại chỗ (cm)	230.0 ± 15.52	219.00±15.41	4.370	<0.05
2	Chạy 30m XPC (s)	4.80 ± 0.57	5.32 ± 0.82	4.522	<0.05
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	10.95 ± 0.68	12.00± 0.80	8.685	<0.05
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	1022 ± 79.20	961± 86.29	4.524	<0.05
<i>II Nữ</i>		(n = 46)	(n = 48)		
1	Bật xa tại chỗ (cm)	156.35±11.60	148.25±11.67	3.378	<0.05
2	Chạy 30mXPC (s)	5.90 ± 0.23	6.15 ± 0.34	4.188	<0.05
3	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.55 ± 0.38	11.85 ± 0.65	2.745	<0.05
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	938 ± 10.09	914 ± 10.12	11,511	<0.05

Như vậy, sau 06 tháng ứng dụng thực nghiệm với các giải pháp mà đề tài đã lựa chọn, kết quả kiểm tra tiêu chuẩn RLTT của SV K27 Trường ĐH Duy Tân đã cho thấy các hoạt động về TDTT tại nhà trường đã phong phú hơn, sôi động hơn.

Hiệu quả quan trọng nhất vẫn là chất lượng của các giờ học chính khóa và hoạt động thể thao ngoại khóa đã tăng chất lượng đáng kể, kể cả những hoạt động thể thao mang tính tự giác của SV đã được phổ biến khá rộng rãi. Chính vì vậy, đã làm tăng đáng kể chất lượng thể chất của SV qua việc so sánh như trên.

3. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu của đề tài rút ra một số kết luận sau:

- Thực trạng công tác dạy học GDTC của Trường ĐH Duy Tân, thành phố Đà Nẵng còn nhiều vấn đề cần khắc phục. Nội dung chương trình GDTC còn nhiều điểm bất cập, đơn điệu. Cơ sở vật chất còn thiếu thốn và chưa đảm bảo. PP giảng dạy cần được cải tiến và linh hoạt hơn trong quá trình giảng dạy. Các hoạt động ngoại khóa cần chủ động và tăng cường hơn, thường xuyên tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao nhằm lôi cuốn SV tham gia.

- Qua nghiên cứu đề tài đã lựa chọn được 4 giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng GDTC, phát triển thể lực cho SV ở Trường ĐH Duy Tân, thành phố Đà Nẵng. Kết quả học tập và kiểm tra tiêu chuẩn RLTT được tăng lên rõ rệt. Đồng thời nhịp độ tăng trưởng cũng đảm bảo sự gia tăng đáng kể về thành tích của SV; đối với nam tăng từ 8.89% - 15.56%, nữ tăng từ 5.70% - 11.74%.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV.* Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT, ngày 23/11/2012, Qui định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo,* Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015, Quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học,* Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học,* Hà Nội.
5. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi,* NXB TDTT, Hà Nội.